

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thại và ông Trần Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hợi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê T. T. H. A**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Chrôh P, xã Chrôh P, huyện P T, tỉnh G.

Bị đơn: Anh **Đặng T. V. B**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 61B đường T Q T, tổ 3, phường Đ K, thị xã AP, G.

Chị A và anh B vắng mặt tại phiên tòa. Hai bên đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 19/7/2022; bản tự khai ngày 22/7/2022 nguyên đơn Chị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G. Sau kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân được gần 02 năm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng L K V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2020. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung

và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý như nguyện vọng của anh B.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 20/8/2022 và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh B trình bày ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G. Sau khi kết hôn một thời gian thì anh và chị A bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị A.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng L K V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2020. Anh B đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành và tự lập được.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị A và anh B ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng L K V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2020. Công nhận việc anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và tự lập được.

- *Về án phí*: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh B chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh B. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại: Số 61B T Q T, tổ 3, phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A P, tỉnh G có thẩm quyền giải quyết vụ án. Chị A và anh B đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị A, anh B tại phiên tòa theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G. Theo lời khai của chị A và anh B thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân được gần hai năm nay, không ai quan tâm đến ai, hiện chị A và anh B không còn tình cảm gì với nhau nữa nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và anh B cũng đồng ý. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của hai bên. Kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân của hai bên đúng như nội dung khởi kiện và lời khai của chị A và anh B.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh B không còn, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Hiện tại mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét chấp nhận cho chị A và anh B ly hôn.

[3] Về việc nuôi con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị A là hợp lý. Chị A có đủ các điều kiện về thu nhập, nơi ở để trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Anh B cũng chấp nhận để chị A nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cho chị Huyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Lê K V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2020. Công nhận việc anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng cho chị A với mức 2.000.000đ/tháng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của hai bên tính từ ngày hôm nay (20/9/2022) đến khi con chung thành niên và tự lập hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản và công nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, anh B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, khoản 1 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A và anh B ly hôn.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng L K V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2020.

Công nhận việc anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A hằng tháng với mức 2.000.000đ/tháng. (*Hai triệu đồng/tháng*).

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị A và cấp dưỡng nuôi con của anh B tính từ ngày hôm nay (20/9/2022) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự

3. Về án phí: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010423 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A P, tỉnh G (Đã nộp đủ)

Anh B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Toàn